

Số: 24/2019/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 06 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định số lượng, chức danh, chế độ, chính sách
đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE,
KHOA IX - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Xét Tờ trình số 5547/TTr-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Văn phòng Đảng ủy.
2. Tổ chức Đảng ủy.
3. Kiểm tra Đảng ủy.
4. Tuyên giáo Đảng ủy.

5. Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
6. Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.
7. Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
8. Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.
9. Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam.
10. Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ.
11. Phó Trưởng Công an.
12. Phó Chỉ huy trưởng Quân sự.
13. Đài Truyền thanh.
14. Quản lý nhà nước về trẻ em, giảm nghèo và xã hội.
15. Xây dựng nông thôn mới - Xây dựng đô thị.

Điều 2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Đối với cấp xã loại 3: Bố trí 10 người hoạt động không chuyên trách cấp xã. Trong đó: Khối Đảng bố trí 02 người, khối Đoàn thể bố trí 04 người, khối Nhà nước bố trí 04 người.

2. Đối với cấp xã loại 2: Bố trí 12 người hoạt động không chuyên trách cấp xã. Trong đó: Khối Đảng bố trí 02 người, khối Đoàn thể bố trí 04 người, khối Nhà nước bố trí 06 người.

3. Đối với cấp xã loại 1: Bố trí 14 người hoạt động không chuyên trách cấp xã. Trong đó: Khối Đảng bố trí 03 người, khối Đoàn thể bố trí 05 người, khối Nhà nước bố trí 06 người.

4. Cấp ủy cấp xã quyết định việc sắp xếp, hợp nhất các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, để bố trí số lượng phù hợp với quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

Điều 3. Số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố

Mỗi ấp, khu phố bố trí 03 chức danh, gồm:

1. Bí thư Chi bộ.
2. Trưởng ấp, khu phố.
3. Trưởng Ban công tác Mặt trận.

Điều 4. Số lượng, chức danh đối với lực lượng trực

1. Dân quân cơ động làm nhiệm vụ thường trực ở cấp xã bố trí 02 người/24 giờ.

2. Công an viên làm nhiệm vụ thường trực tại Công an cấp xã, bố trí 02 người/24 giờ. Riêng tại các xã, thị trấn loại 1 hoặc xã, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, được bố trí 03 người/24 giờ.

3. Dân quân cơ động làm nhiệm vụ thường trực và Công an viên làm nhiệm vụ thường trực không thuộc đối tượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

Điều 5. Mức khoán kinh phí và chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Mức khoán kinh phí đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã:

- a) Cấp xã loại 1: Quỹ phụ cấp bằng 16,0 lần mức lương cơ sở.
- b) Cấp xã loại 2: Quỹ phụ cấp bằng 13,7 lần mức lương cơ sở.
- c) Cấp xã loại 3: Quỹ phụ cấp bằng 11,4 lần mức lương cơ sở.

Người hoạt động không chuyên trách cấp xã loại 1, loại 2 và loại 3 cùng hưởng mức sinh hoạt phí hàng tháng bằng 1,14 lần mức lương cơ sở.

2. Ngoài chế độ phụ cấp tại khoản 1 Điều này, ngân sách tỉnh còn trợ cấp thêm đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã như sau:

a) Người không có bằng cấp chuyên môn thì được trợ cấp thêm khoảng chênh lệch để bằng với hệ số 1,37 mức lương cơ sở.

b) Người được đào tạo có bằng cấp chuyên môn phù hợp với chức danh đang đảm nhiệm thì được trợ cấp thêm khoảng chênh lệch để bằng với hệ số lương bậc 1 của ngạch theo trình độ đào tạo của bảng lương hành chính kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, nhưng không thực hiện nâng lương thường xuyên.

3. Mức khoán quỹ phụ cấp tại khoản 1 Điều này chưa bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho những người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

Điều 6. Mức khoán kinh phí và chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố

1. Mức khoán kinh phí đối với những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố:

a) Ấp, khu phố có từ 350 hộ gia đình trở lên; ấp, khu phố thuộc xã, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được khoán quỹ phụ cấp bằng 4,2 lần mức lương cơ sở.

b) Đối với ấp, khu phố còn lại, ngân sách nhà nước thực hiện khoán quỹ phụ cấp bằng 3,0 lần mức lương cơ sở.

2. Chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố, bao gồm:

a) Bí thư chi bộ; Trưởng ấp, khu phố; Trưởng Ban công tác mặt trận ấp, khu phố thuộc ấp, khu phố có từ 350 hộ gia đình trở lên; ấp, khu phố thuộc xã, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 1,4 lần mức lương cơ sở.

b) Bí thư chi bộ; Trưởng ấp, khu phố; Trưởng Ban công tác mặt trận ấp, khu phố thuộc ấp, khu phố còn lại được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 1,0 lần mức lương cơ sở.

Điều 7. Chế độ phụ cấp đối với ấp, khu phố đội trưởng, công an viên và lực lượng trực

1. Ấp, khu phố đội trưởng và Công an viên (nơi không bố trí công an chính quy) hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số bằng 1,0 lần mức lương cơ sở.

2. Dân quân cơ động làm nhiệm vụ thường trực tại xã, phường, thị trấn; Công an viên trực Công an xã: Hưởng chế độ tiền ăn bằng 0,1 mức tiền lương cơ sở hiện hành/người thực hiện trực/một ngày đêm và hưởng theo số ngày đêm trực thực tế.

3. Dân quân cơ động làm nhiệm vụ thường trực, Trung đội trưởng dân quân cơ động xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố đội trưởng; Công an viên trực Công an xã; Công an viên phụ trách ấp, khu phố được hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm y tế hàng năm.

4. Dân quân cơ động làm nhiệm vụ thường trực; Công an viên trực Công an xã; ấp, khu phố đội trưởng; Công an viên được hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hàng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn.

Điều 8. Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm

1. Cán bộ, công chức cấp xã bố trí kiêm nhiệm chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã bố trí kiêm nhiệm chức danh những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, mỗi tháng được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 90% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm (lấy mức phụ cấp hệ số 1,14 mức lương cơ sở để tính phụ cấp kiêm nhiệm).

2. Cán bộ, công chức cấp xã bố trí kiêm nhiệm chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ấp, khu phố kiêm nhiệm chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố, mỗi tháng được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 90% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

3. Cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp, khu phố kiêm nhiệm chức danh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm cho đến khi không còn kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh khác nhau thì chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

4. Trường hợp cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp, khu phố kiêm nhiệm các chức danh khác không có quy định tại Nghị quyết này và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì không được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm.

5. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh được chi trả cùng kỳ với tiền lương, phụ cấp hàng tháng và không tính để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 9. Chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ấp, khu phố khi nghỉ việc

Những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố khi nghỉ việc được hưởng chế độ mỗi năm công tác bằng một tháng sinh hoạt phí hiện hưởng, khi còn công tác mà bị chết thì được hưởng tiền mai táng phí bằng 10 tháng lương cơ sở.

Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách

1. Thực hiện theo khoản 9 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

2. Riêng phần trợ cấp thêm cho những người hoạt động không chuyên trách cấp xã được đào tạo có bằng cấp chuyên môn phù hợp với chức danh đảm nhiệm, kinh phí giải quyết chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ấp, khu phố khi nghỉ việc, kinh phí hỗ trợ mua bảo hiểm xã hội tự nguyện cho dân quân cơ động làm nhiệm vụ thường trực, Công an viên trực Công an xã, ấp, khu phố đội trưởng, Công an viên sẽ do ngân sách địa phương chi trả.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo và triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá IX, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

4. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định số lượng, các chức danh, chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

b) Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định số lượng, các chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

c) Nghị quyết số 19/2014/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định số lượng, các chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

d) Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định số lượng, các chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

đ) Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

e) Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định số lượng, các chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi